ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/BC-UBND	*Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2018*

BÁO CÁO
Sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định và hướng dẫn một số nội dung tại quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 3619/BKHĐT-TCTT ngày 30/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 3 NĂM (2016-2018) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình

Giai đoạn 2016-2020, Trung ương cơ cấu lại các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), từ 16 chương trình giai đoạn 2011-2015 còn 2 chương trình giai đoạn 2016-2020 là Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững. Từ năm 2016, nhiều chương trình MTQG giai đoạn 2011-2015 dừng thực hiện, một số chương trình chuyển sang nhiệm vụ chi thường xuyên của các Bộ, ngành Trung ương, một số mục tiêu, nhiệm vụ khác thực hiện trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020. Ban chỉ đạo (BCĐ) có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh trong việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Ban Chỉ đạo do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban, các Thành viên BCĐ là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành được giao thực hiện các dự án thuộc các Chương trình MTQG và các cơ quan có liên quan. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan Thường trực của BCĐ. Các thành viên BCĐ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban chỉ đạo.

CHỮ KÝ SỐ CQNN TỈNH BẮC GIANG
Ủy ban Nhân dân tỉnh
Ngày: 08/08/2018 11:03:14
Tỉnh Bắc Giang

Giai đoạn 2016-2018, Ban chỉ đạo đã hoạt động tích cực, sâu sát trong việc tham mưu giúp UBND tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các Chương trình MTQG; kịp thời tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các chủ đầu tư, đảm bảo nguồn vốn các chương trình được sử dụng hiệu quả, đúng mục tiêu và phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, nhất là trong việc triển khai các dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG

Căn cứ các văn bản, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Bắc Giang đã ban hành các văn bản nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương về triển khai thực hiện các Chương trình MTQG đảm bảo tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Trung ương, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, trong đó có một số văn bản quan trọng như:

Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình 135, thuộc chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn các xã miền núi và xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc 4 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế; Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh;

Quyết định 747/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh quy định hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu nhiệm vụ các Chương trình MTQG, hàng năm trên cơ sở tham mưu của các sở, ngành là chủ chương trình, dự án, UBND tỉnh ban hành các quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn hàng năm để các chủ chương trình, dự án và các địa phương căn cứ thực hiện. Bên cạnh đó, để tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc đồng thời kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các địa phương, UBND tỉnh và các chủ chương trình, dự án cũng ban hành nhiều văn bản hướng dẫn việc thực hiện các chương trình MTQG năm hàng năm, góp

phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ hàng năm và giai đoạn 2016-2020[1].

3. Công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá Chương trình

Công tác thanh tra, kiểm tra các chương trình mục tiêu quốc gia được tiến hành thường xuyên, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2016-2018, các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh đã thực hiện trên 20 cuộc kiểm tra theo định kỳ, đột xuất trên địa bàn các huyện, thành phố. Bên cạnh đó, các chủ chương trình, chủ dự án cũng thực hiện kiểm tra theo địa bàn và lĩnh vực mình quản lý, trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng điều phối đã phối hợp với các ngành kiểm tra 36 đợt tại các xã giao đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2018; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện 6 cuộc kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 30a tại huyện Sơn Động và tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề tại các cơ sở dạy nghề. Ban Dân tộc đã thực hiện 6 cuộc thanh tra công tác triển khai thực hiện Chương trình 135, Quyết định 755/QĐ-TTg và chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn tại một số xã trên địa bàn huyện Yên Thế, Sơn Động và Lục Nam. Ngoài ra, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh cũng tổ chức nhiều đợt kiểm tra tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG tại địa bàn được giao phụ trách.

II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỔ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng kế hoạch vốn bố trí cho thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2018 là 1.983.899 triệu đồng, trong đó vốn ĐTPT 1.220.489 triệu đồng, vốn sự nghiệp 266.977 triệu đồng, vốn trái phiếu Chính phủ là 127.000 triệu đồng, vốn huy động khác 369.433 triệu đồng, gồm:

Nguồn ngân sách Trung ương: 961.670 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 567.693 triệu đồng, vốn sự nghiệp 266.977 triệu đồng, vốn trái phiếu Chính phủ là 127.000 triệu đồng,

Nguồn ngân sách tỉnh: 192.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển; Nguồn ngân sách huyện, xã: 460.796 triệu đồng vốn đầu tư phát triển; Nguồn huy động khác (gồm: vốn góp của nhân dân, vốn tài trợ, vốn quy đổi bằng ngày công lao động, hiến đất...): 369.433 triệu đồng.

2. Kết quả phân bổ và sử dụng nguồn lực

Căn cứ các Quyết định giao vốn của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương

---

[1] Công văn số 2498/UBND-TH ngày 25/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình 135 năm 2017 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 3343/KH-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 315/KH-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Công văn số 2244/UBND-TH ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020; Liên sở Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính đã ban hành hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh; Ban Dân tộc đã ban hành Hướng dẫn số 153/HD-BDT ngày 14/5/2018 hướng dẫn một số nội dung thực hiện các tiểu dự án thuộc Chương trình 135 năm 2018 và công tác chuẩn bị đầu tư năm 2019;...

trình MTQG giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành Quy định, nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình 135, thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 289/QĐ-UBND, ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn và chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 làm khung cho việc cho việc phân bổ kế hoạch vốn hàng năm.

Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguồn vốn phân bổ cho các chương trình, dự án đảm bảo theo các nguyên tắc, tiêu chí quy định cụ thể, đồng thời thực hiện theo thứ tự ưu tiên theo quy định[2].

Kết quả giải ngân nguồn vốn: Tính đến hết 30/6/2018, giá trị giải ngân kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018 đạt 1.451.491 triệu đồng, bằng 73,2% kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018. Trong đó, giá trị giải ngân năm 2016 là 577.860/580.073 triệu đồng, đạt 99,6% kế hoạch; năm 2017 là 800.229/829.375 triệu đồng, đạt 96,5% kế hoạch; 6 tháng đầu năm 2018 là 73.402/574.451 triệu đồng, đạt 12,8% kế hoạch.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

1.1. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2018

Ước thực hiện đến hết năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 7,53%, bằng 104,8 % kế hoạch giai đoạn 2016-2018 và 62,9% giai đoạn 2016-2020. Tỷ lệ hộ nghèo giảm trung bình đạt 2,1%/năm, bằng 105% kế hoạch giai đoạn 2016-2018 và 105% giai đoạn 2016-2020 (vượt mục tiêu đề ra theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ là từ 1,0% đến 1,5%/năm). Tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn đến hết năm 2018 còn 35,58%, mức giảm trung bình đạt 4,0%/năm (đạt mục tiêu đề ra theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ là từ 3,0% đến 4,0%/năm).

Về kết quả thực hiện nguồn vốn: Tổng kế hoạch vốn chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững đã phân bổ trong giai đoạn 2016-2018 là 387.855 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương 387.630 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 265.353 triệu

---

[2] Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2016; Quyết định số 480/QĐ-UBND, ngày 1/4/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2016; Quyết định số 1407/QĐ-UBND, ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch chi tiết danh mục và kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 năm 2017; Quyết định số 280/QĐ-UBND, ngày 4/5/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2018; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016; Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017; Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018...

đồng, vốn sự nghiệp 122.277 triệu đồng); vốn huy động khác (gồm: vốn góp của dân, vốn tài trợ, vốn quy đổi bằng ngày công lao động, hiến đất...) là 225 triệu đồng.

Đến 30/6/2018, giá trị giải ngân đạt 273.364 triệu đồng, bằng 70,5% kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018. Trong đó, giá trị giải ngân năm 2016 là 127.877/128.736 triệu đồng, đạt 99,3% kế hoạch; năm 2017 là 124.852/132.324 triệu đồng, đạt 94,4% kế hoạch; 6 tháng đầu năm 2018 là 20.635/126.795 triệu đồng, đạt 16,3% kế hoạch.

1.2. Kết quả thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình

a) Dự án 1 (Chương trình 30a huyện Sơn Động):

- Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo): Trong giai đoạn 2016-2018, nguồn vốn đầu tư đã thực hiện 51 công trình. Vốn sự nghiệp thực hiện duy tu, bảo dưỡng 15 công trình. Tính đến 30/6/2018, đã có 46/51 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, đã phát huy được hiệu quả nguồn vốn, góp phần quan trọng trong việc phục vụ sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

- Tiểu dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo): Trong giai đoạn 2016-2018, đã thực hiện hỗ trợ 34 dự án thuộc lĩnh vực phát triển sản xuất lâm nghiệp cho 2.433 lượt hộ gia đình nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; trên 100 tấn giống lúa, 8,5 tấn ngô giống NK 4300 chuyển gien cho trên 18.000 lượt hộ; trên 2 tấn giống cây Nghệ N8 cho 379 hộ thuộc 23 xã, thị trấn; trên 110.000 cây ăn quả cho 1.520 hộ; thực hiện xây dựng mô hình giống cây ăn quả mới như: Bưởi Phúc Kiến, Mít Thái siêu sớm; hỗ trợ trên 150.500 con gà cho 860 hộ; mua 439 máy cắt cỏ cho 439 hộ; hỗ trợ hợp tác xã liên kết với người nghèo xây dựng nhà xưởng sản xuất và tiêu thụ nấm ăn, nấm dược liệu cho 40 hộ tham gia; hỗ trợ thực hiện 7 mô hình nuôi ong mật tại 7 xã với tổng số 215 hộ tham gia, trong đó chủ yếu là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo.

- Tiểu dự án 4 (Hỗ trợ cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài): Trong giai đoạn 2016-2018, đã đưa 525 lao động là người đồng bào dân tộc đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tổ chức 9 lớp tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn đi làm việc ở nước ngoài cho trên 1.300 lượt cán bộ cơ sở cấp thôn, khu dân cư.

b) Dự án 2 (Chương trình 135):

- Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn): Thực hiện đầu tư 646 công trình, trong đó có 404 công trình trả nợ quyết toán và chuyển tiếp từ năm 2015, 242 công trình khởi công mới giai đoạn 2016-2018. Duy tu, bảo dưỡng 57 công trình sau đầu tư tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu.

Đặc biệt từ năm 2017, việc áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ phát huy sự tham gia của người dân. Chính quyền các cấp đã tích cực vận động nhân dân hiến đất giải phóng mặt bằng, đóng góp tiền mặt, hiện vật, công lao động tham gia đầu tư xây dựng công trình góp phần nâng cao hiệu quả, tiết kiệm vốn đầu tư. Số công trình áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày càng tăng, từ 10,6% năm 2017 lên 77,8% năm 2018.

- Tiểu dự án 2 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn): Đã hỗ trợ trên 16.000 lượt hộ nghèo, cận nghèo với các nội dung chủ yếu gồm: Hỗ trợ trồng cây có múi (cam vinh, bưởi diễn...) tập trung ở các huyện Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế, Lục Nam; hỗ trợ phân bón theo mô hình ở Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Sơn Động; hỗ trợ 11 mô hình chăn nuôi bò cái, trâu cái sinh sản, gà ri, dê.. tập trung nhiều tại huyện Hiệp Hòa, Yên Thế...; hỗ trợ công cụ sản xuất như máy phát cỏ, máy cày tay, bình phun thuốc bảo vệ thực vật tập trung ở huyện Sơn Động.

- Tiểu dự án 3 (Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn): Đã tổ chức 3 đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135, các chính sách dân tộc và mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả; 172 lớp tập huấn, tập trung vào các nội dung liên quan đến triển khai thực hiện Chương trình 135, các chính sách dân tộc và chuyển giao kiến thức, khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp cho người dân các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh cho trên 13.000 lượt người dân; 50 lớp bồi dưỡng kỹ năng thực hiện gói thầu giao cho cộng đồng thi công theo cơ chế đặc thù, Chương trình 135 và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội...cho trên 4.000 lượt cán bộ xã thôn và ban giám sát cộng đồng.

c) Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương tình 135):

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Đã thực hiện 11 dự án tại 6 huyện. Các dự án tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực nông nghiệp, như: Dự án nuôi trồng thủy sản tại xã Liên Chung, huyện Tân Yên thực hiện hỗ trợ 30 hộ nghèo, hộ cận nghèo về giống cá, cải tạo ao nuôi, máy phun mưa, máy tạo sóng, thức ăn; Dự án chăn nuôi bò tại xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng hỗ trợ 31 hộ nghèo, cận nghèo về bò giống, thức ăn, thuốc thú y; Dự án trồng trọt và chăn nuôi tại huyện Lạng Giang hỗ trợ 283 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trồng cây ngô nếp tại xã Dương Đức; hỗ trợ 12 hộ nghèo chăn nuôi bò tại xã Hương Lạc...

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Đã thực hiện 6 mô hình dự án tại 6 huyện, thành phố, gồm: Mô hình chăn nuôi bò tại thành phố Bắc Giang; Mô hình trồng trọt tại huyện Việt Yên; Mô hình chăn nuôi bò tại huyện Hiệp Hòa; Mô hình nuôi bò sinh sản tại huyện Yên Thế; mô hình hỗ trợ hộ nghèo trồng cây cam Vinh, cam Đường canh tại huyện Lục Nam; mô hình nuôi ong, nuôi thỏ tại huyện Sơn Động...

Thông qua thực hiện các dự án, mô hình giảm nghèo đã thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, tăng cường mối liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm, góp phần giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; chuyển giao khoa học kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất...

d) Dự án 4 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin):

- Các sở, ngành làm chủ chương trình, dự án đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang sản xuất nhiều chương trình tuyên truyền về chính sách, chương trình giảm nghèo, về các gương hộ nghèo làm kinh tế giỏi vươn lên thoát nghèo...; phối hợp với Đài Truyền thanh các huyện Sơn Động, Yên Dũng, Yên

Thế phát lại các nội dung về phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, tấm gương giảm nghèo, thoát nghèo, kỹ thuật canh tác và nông nghiệp do Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh sản xuất.

- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo: Đã tổ chức 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo cho 950 cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Thường xuyên duy trì, cập nhật tin, bài liên quan đến giảm nghèo trên trang thông tin điện tử của các Sở, ngành làm chủ chương trình. Việc thực hiện tốt các nội dung của dự án đã góp phần tích cực vào việc nâng cao, thay đổi nhận thức cho cán bộ, đối tượng thụ hưởng chính sách giảm nghèo, giúp bà con nâng cao kiến thức, năng lực sản xuất, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững.

e) Dự án 5 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình):

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã tổ chức 16 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho trên 1.300 cán bộ cấp huyện, cấp xã làm công tác giảm nghèo. Bên cạnh đó, cấp huyện cũng tổ chức 50 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho hơn 5.000 cán bộ cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố làm công tác giảm nghèo.

Về nội dung giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã tổ chức cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp tham quan, trao đổi kinh nghiệm giảm nghèo ngoài tỉnh. Thực hiện hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo tại 52 xã đặc biệt khó khăn, xã ATK thuộc diện đầu tư của Chương trình 135, 28 xã, thị trấn thuộc khu vực II có thôn đặc biệt khó khăn, xã thực hiện dự án, mô hình trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương tình 135, qua đó giúp cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là ở các thôn, bản có thêm kiến thức và kỹ năng tổ chức thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo hiệu quả hơn.

2. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

2.1. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2018

Ước thực hiện đến hết năm 2018, toàn tỉnh có 89 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 143,5% kế hoạch giai đoạn 2016-2018 và 109,9% kế hoạch giai đoạn 2016-2020, nâng tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 43,8% tổng số xã trên toàn tỉnh.

Bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên 01 đơn vị xã đến hết 2018 đạt 14,3 tiêu chí, bằng 101,6% kế hoạch giai đoạn 2016-2018 và 95,3% kế hoạch giai đoạn 2016-2020[3].

Đến 30/6/2018, toàn tỉnh có 02 địa phương đạt 100% số xã đạt chuẩn là huyện Việt Yên 17/17 xã và thành phố Bắc Giang 6/6 xã. Hiện nay, huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang đang hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Bắc Giang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện Việt Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới theo quy định.

Về kế hoạch vốn: Tổng kế hoạch vốn của Chương trình đã phân bổ trong giai đoạn 2016-2018 là 1.596.044 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 574.040 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 302.340 triệu đồng, vốn sự nghiệp 144.700

[3] Tính đến hết 30/6/2018, đã có 90 xã đạt tiêu chí Giao thông (tăng 27 xã so với năm 2016); có 119 xã đạt tiêu chí Thủy lợi (tăng 35 xã so với năm 2016); có 198 xã đạt tiêu chí Điện (tăng 04 xã so với năm 2016); có 159 xã đạt tiêu chí Trường học (tăng 12 xã so với năm 2016); có 73 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất hóa hóa (tăng 23 xã so với năm 2016); có 151 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại (tăng 21 xã so với năm 2016); có 198 xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông; có 169 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.

triệu đồng, vốn TPCP 127.000 triệu đồng), vốn ngân sách tỉnh 192.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển; vốn ngân sách huyện, xã 460.796 triệu đồng; vốn huy động khác (gồm: vốn góp của dân, vốn tài trợ, vốn quy đổi bằng ngày công lao động, hiến đất...) 369.208 triệu đồng.

Tính đến 30/6/2018, giá trị giải ngân của Chương trình đạt 1.178.127 triệu đồng, bằng 73,8% kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2018. Trong đó, giá trị giải ngân năm 2016 là 449.983/451.337 triệu đồng, đạt 99,7% kế hoạch; năm 2017 là 675.377/697.051 triệu đồng, đạt 96,9% kế hoạch; 6 tháng đầu năm 2018 là 52.767/447656 triệu đồng, đạt 11,8% kế hoạch.

2.2. Kết quả thực hiện các nội dung, dự án thành phần thuộc Chương trình cụ thể như sau:

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

Trong giai đoạn 2016-2018, các địa phương đã đầu tư xây dựng 461,6 km đường giao thông nông thôn (52,7 km đường trục xã, 255 km đường trục thôn, 97,4 km đường ngõ xóm, 59,3 km đường trục chính nội đồng), 61,7 km kênh mương nội đồng; xây mới, cải tạo 461 công trình văn hóa, 125 công trình thể thao, 155 điểm, bãi thu gom rác thải, 132 nghĩa trang nhân dân, 256 phòng học, phòng chức năng các cấp, 24 đài truyền thanh xã; chuyển tiếp, xây dựng mới 06 công trình nước sạch....

Bên cạnh đó, thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng làm đường trục thôn, liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông nông thôn theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh đã phát huy được nội lực trong nhân dân, tạo phong trào mạnh mẽ về cứng hóa đường giao thông, người dân đồng tình hưởng ứng. Kết cấu hạ tầng thiết yếu ở nông thôn ngày càng được nâng lên, nhất là đường giao thông, kênh mương, nhà văn hóa thôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội chung toàn tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản để tổ chức thực hiện, vì vậy việc thực hiện đã có nhiều chuyển biến rõ nét. Trong giai đoạn 2017-2018 đã có trên 77% tổng số công trình khởi công mới của chương trình thực hiện theo cơ chế đặc thù (trong đó số công trình khởi công mới áp dụng có chế đặc thù năm 2017 đạt 57%, năm 2018 đạt 97,7%). Một số huyện thực hiện cơ chế đặc thù tốt như: Lục Ngạn, Việt Yên, Yên Dũng.

- Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

Thực hiện Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, trong giai đoạn 2016-2018, các địa phương đã triển khai trên 220 mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, trong đó có 41 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích trên 100.000 m^2, 47 cánh đồng mẫu, mô hình sản xuất rau an toàn. Đến nay, 21 mô hình đã đi vào hoạt động, bước đầu cho hiệu quả kinh tế, đảm bảo liên kết như: Mô hình trồng dưa lưới của Hợp tác xã Đồng Tâm 3; mô hình trồng dưa lưới, dưa leo của Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao xã Trí Yên... tạo mô hình mẫu để nhân rộng, học tập kinh nghiệm. Ngoài ra,

tỉnh xây dựng 2 mô hình điểm vùng sản xuất rau chuyên canh tập trung ứng dụng công nghệ cao với quy mô 63 ha tại huyện Yên Dũng và Hiệp Hòa; các huyện, thành phố cũng chủ động xây dựng 48 mô hình với quy mô nhà lưới, nhà màng, nhà lạnh đạt 57.560 m2....

Bên cạnh đó, các chủ đầu tư đang khẩn trương hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ cho 12 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì sản phẩm và tem truy xuất nguồn gốc cho 10 sản phẩm có nguồn gốc nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Về thực hiện dồn điền, đổi thửa: Dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu tiếp tục được thực hiện, đến nay toàn tỉnh đã thực hiện dồn điền, đổi thửa được 14.356 ha; triển khai thực hiện 165 mô hình cánh đồng mẫu, có khoảng 50% số cánh đồng đảm bảo liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, qua đó góp phần chuyển dần từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất theo hướng tập trung.

Thực hiện kế hoạch xây dựng Đề án Chương trình quốc gia "Mỗi xã một sản phẩm" của Trung ương, đến nay tỉnh đã ban hành Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030. Tỉnh đã phê duyệt danh mục 52 nhóm sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng.

Công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu được đẩy mạnh, năm 2018 tỉnh đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018-2020. Qua đó, các sản phẩm nông sản của Bắc Giang được nhiều người tiêu dùng và các thị trường cũng như các đối tác biết đến và ký kết hợp đồng tiêu thụ. Số sản phẩm sản xuất theo hướng an toàn ngày càng tăng, diện tích lúa chất lượng trên 34.500 ha, vải VietGap 13.000 ha, rau an toàn, chế biến 6.795 ha... Nhiều mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm điển hình như: Chuỗi chăn nuôi lợn sạch Tân Yên, chuỗi thịt lợn hữu cơ Trường Thành, mô hình sản xuất cá giống, nuôi thương phẩm tại Tân Yên, mô hình rau hữu cơ trong nhà lưới tại xã Quang Thịnh...

- Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển ngành nghề nông thôn:

Từ nguồn vốn Chương trình, trong giai đoạn 2016-2018, tỉnh đã hỗ trợ tổng số 33 dự án phát triển sản xuất, 19 sản phẩm xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, sản xuất theo hướng an toàn, truy xuất nguồn gốc.

Thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã hỗ trợ xây dựng hạ tầng cho 23 HTX nông nghiệp và hỗ trợ đào tạo 536 cán bộ HTX xã nông nghiệp. Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được củng cố, phát triển, toàn tỉnh có 405 HTX nông nghiệp và 04 Liên hiệp HTX, 878 Tổ hợp tác, 802 trang trại (trong đó 700 trang trại được cấp GCN kinh tế trang trại). Xu hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi được nhân rộng, bước đầu thu hút được một số doanh nghiệp lớn vào đầu tư trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi như Tập Đoàn Hòa Phát, Công ty CP Phát triển Công nghệ nông thôn (RTD)....

Ước thực hiện đến hết năm 2018, giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 35 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 7,53%.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, giáo dục, y tế và đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Trong giai đoạn 2016-2018, tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho 8.879 lao động nông thôn, mua sắm 481 bộ đồ chơi cho trẻ em, 33 bộ thiết bị phòng học bộ môn của các trường trung học cơ sở và 92 bộ tăng âm, loa đài cho các nhà văn hóa thôn, bản. Đến hết 30/6/2018, tỷ lệ hộ được công nhận gia đình văn hóa đạt 87%, tỷ lệ làng bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 70%, có 81 xã đạt xã văn hóa nông thôn mới. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao, tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học đạt 88,5%, tỷ lệ trường đạt chuẩn 85,0%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60,55%...

- Cải thiện môi trường nông thôn:

Chất lượng môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh bước đầu có sự cải thiện. Các huyện, thành phố đã phát động nhiều đợt chiến dịch cao điểm như: Chiến dịch 100 ngày vệ sinh môi trường đạt được nhiều kết quả, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân nổi bật như thành phố Bắc Giang, Lạng Giang...; phong trào "Ngày thứ 7", "Chủ nhật xanh", "Tuyến đường tự quản" tiếp tục được nhân rộng, một số phong trào vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan bước đầu được triển khai cho hiệu quả như trồng hoa, cây xanh, chỉnh trang vườn hộ gia đình...

Đến nay, trên địa bàn tỉnh 100% số xã đã có tổ, đội, HTX, doanh nghiệp môi trường được thành lập, duy trì hoạt động, 672 điểm tập kết, trung chuyển rác thải đến khu xử lý, 255 bãi chôn lấp rác thải, 43 lò đốt rác thải, 1.124 bể chứa thuốc bảo vệ thực vật, triển khai mô hình "Dịch vụ bảo vệ thực vật cơ sở" nhằm giảm thiểu thuốc bảo vệ thực vật; đã hỗ trợ cho 40 hộ gia đình xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải khu vực nông thôn đạt 67,6%. Dự kiến đến hết năm 2018 sẽ thu hút nhà đầu tư xây dựng 01 nhà máy xử lý rác tập trung công nghệ hiện đại và hoàn thành dự án Khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề nấu rượu truyền thống xã Vân Hà, huyện Việt Yên góp phần cải thiện môi trường tại các khu vực làng nghề.

- Củng cố hệ thống chính trị, giữ vững an ninh, trật tự góp phần ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế:

Các cấp đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị tiếp tục thể hiện vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tham gia xây dựng nông thôn mới theo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", mỗi tổ chức đều có hoạt động thiết thực nhằm hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được tập trung chỉ đạo, UBND tỉnh đã ban hành quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công và tại cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

Thực hiện Quyết định 619/QĐ-TTg ngày 08/52017 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp đã tổ chức tập huấn cho 700 đại biểu các cấp nghiệp vụ phục vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cấp phát 95 đầu sách pháp luật cho 230 tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn kết quả có 130/230 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch", lựa chọn thực hiện 11/19 tiêu chí để vận động các hội viên thực hiện. Xây dựng Đề án "Tuyên truyền, vận động hướng dẫn hội viên phụ nữ thu gom, phân loại,

xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình giai đoạn 2017-2021" để thực hiện nội dung "3 sạch"; các cơ sở Hội xây dựng, duy trì mô hình câu lạc bộ "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch", "Tổ thu gom, xử lý rác", "Nhà sạch, vườn đẹp, ngõ văn minh"... Tỷ lệ hộ gia đình hội viên phụ nữ đạt "Gia đình 5 không, 3 sạch" gắn với gia đình văn hóa đạt trên 80%...

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, các mô hình điểm về an ninh trật tự tiếp tục được nhân rộng, nhiều mô hình trong quần chúng đã phát huy hiệu quả như "Tổ hòa giải", "Cụm dân cư an toàn số 1", " Tổ tuần tra nhân dân"... qua đó tội phạm về trật tự xã hội được kiềm chế, không xảy ra án đặc biệt nghiêm trọng, góp phần quan trọng bảo đảm ổn định ở cơ sở, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, huy động nội lực cho xây dựng nông thôn mới. Phong trào thi đua "Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới" được thực hiện hiệu quả; các huyện, thành phố đã tổ chức tốt Lễ giao nhận quân hàng năm đảm bảo chỉ tiêu.

- Hoàn thiện công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 và số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017, UBND tỉnh Bắc Giang đã bố trí kinh phí hỗ trợ huyện Lạng Giang, Việt Yên lập đồ án quy hoạch vùng và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020. Đến nay, đồ án quy hoạch vùng huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/6/2018; huyện Lạng Giang triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020 hiện đã được Viện quy hoạch (Bộ Xây dựng) lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt.

Đối với quy hoạch xã nông thôn mới: Đến nay, toàn tỉnh có 100% số xã đã được phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình tổ chức thực hiện đã có 21 xã thực hiện điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Các văn bản chỉ đạo, điều hành, cụ thể hóa các chính sách, quy định của Trung ương, của tỉnh được ban hành kịp thời, đầy đủ. Các chính sách của tỉnh ban hành tạo bước đột phá trong huy động sự tham gia chung sức của người dân thực hiện các mục tiêu của các chương trình, dự án (Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh).

Công tác tuyên truyền, vận động cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tiếp tục được triển khai thực hiện qua đó đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân trong thực hiện các Chương trình. Nhiều hoạt động thiết thực gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững của các địa phương được triển khai góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Công tác huy động nguồn lực đã được chú trọng ngay từ khâu lập kế hoạch thực hiện các chương trình. Bên cạnh nguồn vốn Trung ương, ngân sách tỉnh đã bố trí nguồn vốn đối ứng thực hiện, đồng thời huy động thêm được nguồn lực lớn trong

nhân dân để chung tay thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2018 tính đến hết năm 2018 đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó có một số chỉ tiêu đã đạt và vượt kế hoạch đến năm 2020, như: Chỉ tiêu số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm...

Công tác triển khai thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn chương trình MTQG theo cơ chế đặc thù tiếp tục được đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực trong việc huy động nguồn lực đóng góp và sự tham gia trực tiếp của người dân vào qua trình triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn xã, thôn. Trong giai đoạn 2017-2018, đã có 826/1.112 công trình khởi công mới áp dụng cơ chế đặc thù, đạt tỷ lệ 74,2% (Trong đó, năm 2018 có tổng số 542/566 công trình khởi công mới áp dụng cơ chế đặc thù, đạt tỷ lệ 95,8%).

Công tác giao kế hoạch vốn được quan tâm chỉ đạo, cơ bản các nguồn vốn được giao sớm, tạo điều kiện triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án.

Kết quả thực hiện các chương trình, dự án trong giai đoạn 2016-2018 đã góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, góp phần cải thiện môi trường sống, nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư tiến tới giảm nghèo bền vững.

2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.1. Những hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số địa phương đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ các Chương trình MTQG chưa có sự tập trung cao, còn có sự ỷ lại, trông chờ vào các cơ quan chuyên môn cấp trên. Việc tham mưu, đề xuất giao chi tiết kế hoạch vốn năm sau của một số chủ chương trình, dự án, địa phương còn chưa đạt yêu cầu, thực hiện làm nhiều đợt trong năm.

Tiến độ giải ngân vốn của các Chương trình giai đoạn 2016-2017 khá cao, đạt 96,5% kế hoạch. Tuy nhiên, giá trị giải ngân kế hoạch vốn năm 2018 còn chậm. Một số chủ chương trình, dự án còn chưa chủ động trong việc thực hiện các dự án, tiến độ thực hiện chậm dẫn đến cuối năm không giải ngân hết kế hoạch vốn, phải làm thủ tục chuyển nguồn sang năm sau.

Việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2016-2020 còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ phân bổ vốn và thực hiện các công trình.

Công tác thẩm định hồ sơ xây dựng công trình theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ tại một số xã còn lúng túng, thiếu nhân lực đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các chương trình, dự án.

Việc áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng còn một số vướng mắc do công trình đầu tư tại vùng đặc biệt khó khăn, nhiều nơi địa hình phức tạp, phát sinh khối lượng khảo sát, khối lượng đào, đắp, ngầm tràn, cống qua suối.

Công tác giám sát đầu tư cộng đồng có nơi còn hình thức, chưa phát huy được vai trò nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn của chương trình, dự án tiết kiệm, minh bạch, hiệu quả.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Các văn bản quy phạm pháp luật, quy định, hướng dẫn của Trung ương ban hành chậm, ảnh hưởng đến tiến độ tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn và xây dựng các cơ chế thực hiện của địa phương[4].

Kế hoạch vốn Trung ương giao năm 2016 và năm 2017 giao chậm, giao nhiều đợt làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và mục tiêu đề ra (năm 2016 giao 03 đợt vào tháng 12/2015, tháng 8/2016 và tháng 12/2016; năm 2017 giao 02 đợt vào tháng 4/2017 và tháng 6/2017).

Trong giai đoạn 2016-2017, trình tự, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công, chủ trương đầu tư của các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của các chương trình MTQG theo quy định của Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa phù hợp với thực tế; thời gian thẩm định của các cơ quan Trung ương kéo dài, ý kiến thẩm định không rõ về nguồn vốn và tiến độ phân bổ vốn làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng kế hoạch trung hạn của tỉnh.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tham mưu, chỉ đạo của một số chủ chương trình, dự án còn thiếu tính chủ động; chưa kiên quyết trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản, quy định của Trung ương, của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng, đặc biệt là chính quyền cấp xã. Chất lượng các bộ cấp xã làm công tác thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án yếu, hầu hết các huyện đều gửi hồ sơ lên cấp huyện thẩm định với số lượng tập trung có tính thời điểm lớn, trong khi cán bộ của Phòng Kinh tế & Hạ tầng thiếu, dẫn đến quá tải, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

Một số chủ đầu tư chưa tích cực, kịp thời cập nhật các văn bản, quy định, hướng dẫn mới của Trung ương, của tỉnh liên quan đến triển khai thực hiện các chương trình MTQG; chưa thực sự quan tâm đến tiến độ tham mưu phân bổ kế hoạch chi tiết nguồn vốn sự nghiệp, tham mưu chưa sâu, chưa sát đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ giao vốn của các chương trình, dự án.

Chính quyền và cán bộ khuyến nông một số xã còn chưa thực sự tâm huyết với phát triển sản xuất; trong thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chưa kiên quyết loại bỏ các mô hình, dự án thiếu tính bền vững; kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa có nhiều đổi mới để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương có lúc chưa thường xuyên, sâu sát, thiếu quyết liệt; năng lực cán bộ cấp xã có nơi còn hạn chế, đặc biệt là lập hồ sơ thực hiện các mô hình phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo. Công tác chuẩn bị đầu tư các mô hình phát triển sản xuất ở một số xã còn thiếu chủ động từ khâu chuẩn bị đề án, xây dựng mô hình sản xuất, thẩm định hồ sơ, thẩm định giá,...

---

[4] Hai CTMTQG đều bắt đầu thực hiện từ năm 2016, tuy nhiên các quyết định phê duyệt chương trình, hướng dẫn thực hiện trung ương đều ban hành sau tháng 8/2016 (Quyết định phê duyệt CTMTQG Xây dựng nông thôn mới ban hành ngày 16/8/2016; CTMTQG Giảm nghèo bền vững ban hành ngày 02/9/2016; Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG ban hành 10/10/2016; Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc CTMTQG ban hành ngày 02/12/2016,...); Thông tư số 15/2017/TT-BTC ban hành ngày 15/02/2017; Quyết định số 900/QĐ-TTg ban hành ngày 20/6/2017,...

Công tác tuyên truyền về chủ trương của Trung ương, của tỉnh về thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù ở một số địa phương chưa thực sự mạnh mẽ, quyết liệt, hoặc phổ biến chưa đúng tinh thần, chủ trương chung dẫn đến có nơi người dân hiểu chưa đúng, chưa thấy được lợi ích khi thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù nên không muốn tham gia.

PHẦN II
MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020

1. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020

1.1 Mục tiêu

1.1.1. Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

- Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh năm 2020 giảm còn 3,53%, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm duy trì đạt 2,0%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm còn 31,58%, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn bình quân hàng năm duy trì đạt 4%/năm.

1.1.2. Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 là 120 xã, nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 59,1%.

- Bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên 01 đơn vị xã đến năm 2020 là 15 tiêu chí/xã.

- Có từ 1 đến 2 huyện đạt huyện nông thôn mới.

1.2. Kế hoạch vốn

Căn cứ các quyết định giao vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nguồn vốn thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 còn lại phân bổ trong giai đoạn 2019-2020 tỉnh Bắc Giang là 1.216.182 triệu đồng, gồm: Nguồn vốn ngân sách Trung ương 1.096.182 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 809.954 triệu đồng (chưa bao gồm 10% vốn dự phòng), vốn sự nghiệp 286.228 triệu đồng. Nguồn vốn ngân sách tỉnh 120.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển bố trí cho Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Kế hoạch vốn Chương trình giai đoạn 2019-2020 là 283.812 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 191.684 triệu đồng, vốn sự nghiệp 92.128 triệu đồng.

- Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: Kế hoạch vốn Chương trình giai đoạn 2019-2020 là 932.370 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 618.270 triệu đồng, vốn sự nghiệp 194.100 triệu đồng. Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 120.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển

2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020

2.1. Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2018.

Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành giao chi tiết và giải ngân nguồn vốn. Tăng cường cán bộ có chuyên môn hướng dẫn, giúp đỡ các xã trong việc quản lý đầu tư và thanh, quyết toán các nguồn vốn.

Căn cứ các văn bản quy định, chính sách của Trung ương, địa phương và tình hình thực tế, các chủ chương trình, chủ dự án cần tăng cường phối hợp với cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án, nội dung chi đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định, trọng tâm là các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Yêu cầu chủ tịch UBND các huyện, thành phố phải có các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thẩm định khối lượng hồ sơ, báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án áp dụng cơ chế đặc thù để các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Các dự án đã có khối lượng thực hiện cần làm thủ tục giải ngân thanh toán vốn, nhất là đối với phần vốn chuyển nguồn từ năm 2017 sang năm 2018.

2.2. Tiếp tục chỉ đạo triển khai tốt việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định về thực hiện Chương trình MTQG.

Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn cấp huyện, xã việc thực hiện lập kế hoạch đầu tư cấp xã theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Hướng dẫn quy trình thực hiện Nghị định số 161/2016/NĐ-CP, ngày 02/12/2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND, ngày 13/7/2017 của HĐND; Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các CTMTQG giai đoạn 2017-2020.

2.3. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn chương trình MTQG theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2019-2020. Tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia vào quá trình thực hiện dự án, đóng góp nguồn lực thực hiện dự án (công lao động, vật liệu tại chỗ, hiến tặng đất và tài sản trên đất, tiền mặt và các hình thức đóng góp khác). Định hướng triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng hỗ trợ trọng tâm, trọng điểm, thực hiện hỗ trợ luân phiên đối với các đối tượng thụ hưởng trên địa bàn xã để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; giao vốn thực hiện mô hình khi có đề án được phê duyệt, không chia bình quân, dàn trải.

2.4. Tập trung kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp, phân công, giao trách nhiệm cụ thể trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ Chương trình MTQG tại địa phương, trong đó gắn trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo đối với từng lĩnh vực cụ thể.

2.5. Thực hiện nghiêm chỉ đạo về xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản: Quán triệt, xác định việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản là vấn đề quan trọng, cấp thiết trong việc thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công và xây dựng kế hoạch trả nợ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và giai đoạn 2019-2020; dự kiến nguồn vốn và kế hoạch thanh toán dứt điểm số nợ đọng trong giai đoạn 2019-2020 và từng năm cụ thể.

2.6. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo

Các chủ chương trình, chủ dự án và cơ quan thường trực xây dựng kế hoạch kiểm tra, tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra các chương trình MTQG đang

triển khai trên địa bàn các huyện, thành phố, kịp thời nhắc nhở, ngăn chặn những việc làm sai quy định và tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện tại địa phương.

Phát huy vai trò của HĐND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc giám sát thực hiện các chương trình, dự án khi đã phân cấp xuống cơ sở; kiểm soát tốt quy mô, chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư để phát huy cao nhất hiệu quả của dự án.

Chủ các chương trình có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình tiến độ thực hiện kế hoạch chương trình, dự án theo quy định, trong đó cần tập trung đánh giá hiệu quả thực hiện, phát hiện và phân tích những vấn đề bất cập, đề xuất giải pháp xử lý kịp thời.

II. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đề nghị Trung ương tiếp tục duy trì thực hiện hai Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 nhằm đạt tới mục tiêu chấm dứt mọi hình thức nghèo đói ở Việt Nam; tiếp tục thực hiện xây dựng các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

Việc phân bổ nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí cụ thể (tính điểm theo diện tích, tỷ lệ nghèo, cận nghèo, số đơn vị hành chính,...). Nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương được tính toán, thông báo cho các địa phương để chủ động xây dựng mục tiêu, kế hoạch và huy động thêm nguồn lực để thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

Để thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch Chương trình MTQG trong giai đoạn 2021-2025, đề nghị Trung ương sớm ban hành danh mục các chương trình, dự án, tiểu dự án và khung hướng dẫn cụ thể để các địa phương có định hướng triển khai xây dựng kế hoạch.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ Sửa đổi Luật Đầu tư công, Nghị định 136/2015/NĐ-CP theo hướng căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí để tính toán tổng vốn trung hạn giao cho địa phương, sau đó ủy quyền cho cấp tỉnh thực hiện thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đối với các dự án sử dụng vốn các chương trình MTQG. Cấp tỉnh sẽ chịu trách nhiệm trong việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, phạm vi, đối tượng thụ hưởng; không vượt quá tổng vốn đã được Trung ương thông báo. Việc sửa đổi các quy định trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian cho cơ sở khi thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư mà không ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình MTQG.

2. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tỉnh Bắc Giang ứng trước kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình năm 2018; đồng thời sớm phân bổ 10% vốn dự phòng thực hiện các Chương trình MTQG để địa phương chủ động trong tổ chức thực hiện.

3. Đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh Điều 34, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính đối với nội dung "Hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã đặc biệt khó khăn, làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận" thành "Hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã", do các xã đặc biệt khó khăn việc xử lý rác thải sinh hoạt chưa phải là vấn đề bức xúc, vì phần lớn các hộ số lượng rác thải ít nên có thể tự xử lý tại hộ gia đình. Bổ sung quy định hỗ trợ thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm vào Điều 9, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính; có cơ chế hỗ trợ trong thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

Trên đây là báo cáo sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh Bắc Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Lao động-TB&XH; Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, TH.Thảo.

Bản điện tử:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Lao động-TB&XH; Nông nghiệp và PTNN; Ban Dân tộc;
- Thành viên, Tổ giúp việc BCĐ Chương trình MTQG tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KT, CNN, KGVX.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

Biểu số 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số: 67/BC-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang)

STT	Chương trình	Đơn vị tính	KH đến hết 2020	Tình hình thực hiện giai đoạn 2016-2018								Thực hiện đến hết 2018 so với KH 2016- 2018 (%)	Thực hiện giai đoạn 2016-2018 so với KH 2016- 2020 (%)	Ghi chú
				2016		2017		2018 (*)		Giai đoạn 2016-2018				
				KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH			
I	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**													
1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm	%	3,93	11,93	11,72	9,72	9,53	7,53	7,53	7,93	7,53	104,8	64,0	
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm	%	2,0	2,0	2,1	2,0	2,19	2,0	2,0	2,0	2,1	105,0	105,0	
II	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**													
1	Huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	số huyện	1-2	0	0	0	0	0	1	0	1	100,0	100,0	
2	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới													
-	Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	số xã	71-81	48	49	67	68	89	89	62	89	143,5	109,9	
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	35-40	23,6	24,1	33	33,5	43,8	43,8	30,5	43,8	-	-	
3	Bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên 01 đơn vị xã	số tiêu chí	15	13,2	13,3	13,8	13,8	14,3	14,3	14,08	14,3	101,6	95,3	

(*) Ước thực hiện đến hết 2018